

UBND XÃ MINH TÂN
TRƯỜNG THCS CỘNG HÒA

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ I- LẦN I
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI - NĂM HỌC 2025 – 2026
(Thực hiện từ tuần 2- ngày 08/09/2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ CM	Chức vụ	Công tác chuyên môn	Công tác kiêm nhiệm	Tổng số tiết
1	Vũ Thị Huế	31/12/1973	ĐH SP Văn	HT	GDĐP 6AB= 2	Phụ trách chung, tư vấn tâm lý học đường	2
2	Phạm Hồng Quang	05/8/1981	ĐH SP Sử	TTCM	Văn 7AB =8; LSĐL(S) 6AB= 3; LSĐL(S) 8AB= 3; LSĐL(S) 9AB=3;	TTCM=3	20
3	Nguyễn Thị Hồng Huế	23/10/1979	ĐHSP Văn	TPCM	Văn 9A= 4, Văn 6AB= 8, ÔTTS9A=2 HĐTNHN9A=1.	Chủ nhiệm 9A = 4 TPCM=1	20
4	Phạm Thị Kiều Hương	04/5/1978	ĐHSP Văn	GV	Văn 9B =4, Văn 8AB= 8; ÔTTS9B=2; HĐTNHN9B=1.	Chủ nhiệm 9B=4	19
5	Trần Thị Khuyên	09/9/1991	ĐHNN	GV	Anh 9AB=6, Anh 8AB= 6; HĐTNHN8B = 1. ÔT TS9AB=4	Chủ nhiệm 8B= 4	21
6	Phạm Thị Quyên	10/8/1982	ĐHSP Sử	GV	LS&ĐL(Đ) 6AB=3; LS&ĐL7AB=6, LS&ĐL(Đ) 8AB=3, LS&ĐL(Đ) 9AB=3, HĐTNHN7A=1;	Chủ nhiệm 7A =4	20
7	Hoàng Thị Ánh Tuyết	30/12/1970	CĐSP Nhạc	GV	Nhạc 6AB=2, Nhạc7AB=2,Nhạc 8AB=2, Nhạc 9AB=2. HĐTNHN (SH dưới cờ)=1	TPTĐ	9
8	Đàm Thị Bích Thảo	28/3/1987	ĐHSP Mỹ thuật	GV	MT 6AB=2,MT7AB=2, MT8AB=2,MT9AB=2, GDĐP8AB= 2; GDĐP7AB=2. GDĐP 8AB=2; GDĐP 9AB=2.	Trang trí	16
9	Lê Thị Thu Hằng	11/8/1982	CĐSP NN	GV	Anh 6AB=6, Anh 7AB=6;		12

Minh Tân, ngày 26 tháng 08 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Huế

UBND XÃ MINH TÂN
TRƯỜNG THCS CỘNG HÒA

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ I- LẦN I
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN - NĂM HỌC 2025 – 2026
(Thực hiện từ tuần 2 - ngày 08/09/2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ	Công tác giảng dạy	Công tác kiêm nhiệm	Tổng số tiết
1	Dương Thị Là	20/9/1978	ĐHSP Toán	PHT	Toán 9B=4; ÔTTHTPT 9B=2.	PTCM, LĐ, CSDLN,PC	6
2	Vũ Thị Kim Thoa	18/11/1980	ĐHSP Hóa	TTCM	KHTN 6,7,8,9=15,6 . (Hóa 6,7,8,9. Sinh 7A,8AB,9A).	TTCM=3	18,5
3	Đào Văn Vinh	21/3/1985	ĐHSP Lý	GV	KHTN 6,7,8,9=14,5 (Lý 6,7,8,9. Sinh 6AB,9B); HĐTNHN 6B=1 (theo CĐ).	Chủ nhiệm 6B= 4 Loa đài,	19,6
4	Phạm Gia Khánh	18/02/1979	ĐHSP GDTC	GV	GDTC 6AB= 4, 7AB=4, 8AB=4, 9AB=4, BDHSG =3.		19
5	Triệu Thị Hương	06/11/1990	ĐHSP Tin	GV	Tin 6AB= 2, Tin 7AB=2; Tin 8AB=2, Tin 9AB=2, GDCCD 9AB=2 , HĐTNHN 7B (theo CĐ)=1. GDCCD7AB=2.	Chủ nhiệm 7B=4, BTĐTN, CSDL ngành, PC, NTM, CNTT.	17
6	Triệu Văn Trung	24/3/1983	ĐHSP Toán	GV	Toán 8AB= 8, Toán 9A=4; HĐTNHN 8A (theo CĐ)=1; ÔTTTS9A=2.	Chủ nhiệm 8A=4.	19
7	Nguyễn Thành Công	02/11/1980	ĐHSP Toán	GV	Toán 6B=4;Toán 7B = 4, Công nghệ 6AB=2, Công nghệ 7AB=2, Công nghệ 8AB=3; GDCCD 6AB=2	Phụ trách KHKT&STEM	17
8	Nguyễn Thị Giang	14/10/1989	ĐHSP Toán	GV	Toán 6A=4; Toán 7A=4; CNghệ 9AB= 3; HĐTNHN 6A=1 (theo CĐ); KHTN (Sinh)7B=1,9	Chủ nhiệm 6A= 4	17,9

Minh Tân, ngày 26 tháng 08 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Huế

UBND XÃ MINH TÂN
TRƯỜNG THCS CỘNG HÒA

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ I- LẦN I
TỔ VĂN PHÒNG - NĂM HỌC 2025 – 2026
(Thực hiện từ tuần 1- ngày 08/09/2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ CM	Chức vụ	Công tác chuyên môn	Công tác kiêm nhiệm	Số tiết
1	Phạm Thị Thuý	01/8/1976	CD Thư viện	NV	Thư viện	- TT tổ VP(chủ động điều động lịch trực ngoài lịch cố định) - Thủ quỹ; - Phở cấp, NTMKM (sổ sách); Quản lí, lưu trữ văn bằng; hồ sơ chung nhà trường; sổ điểm, học bạ,...; - Phụ trách CSVCS phòng truyền thống (các ĐK cho các buổi hội họp). - Hỗ trợ, phục vụ.	
2	Trần Thị Hoa	09/4/1985	ĐH Kế toán	NV	Kế toán	- Hỗ trợ, phục vụ	
3	Trần Thị Dĩnh	06/10/1989	CD TBTN	NV	TBTN	- Phụ trách cơ sở vật chất các lớp, phòng học chức năng - Mua và quản lí văn phòng phẩm - Hỗ trợ, phục vụ	
4	Phạm Thị Lua	02/01/1987	TCY	NV	Y tế học đường	- Phụ trách lao động, VS - Công văn đến; - Hỗ trợ CSDL ngành - Hỗ trợ, phục vụ	

Minh Tân, ngày 26 tháng 08 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Huế